TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Thủy

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P, sinh ngày 07/10/1987; Nơi cư trú: Số 315, tổ 01, Khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số 166, ấp K, xã H, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Tấn N tự tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 351, ngày 22/9/2009. Trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, đã không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Cuộc sống vợ chồng

không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn N.

Bà và ông Nguyễn Tấn N có 01 con tên Nguyễn T, sinh ngày 03/4/2011, hiện nay đang sống cùng ông Nguyễn Tấn N. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông N nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn N vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, văn bản ghi ý kiến.

-Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị P giữ yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn bà Trần Thị P đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn Tấn N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị vẫn tiến hành xét xử.

Bà P và ông N bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải để hàn gắn nhưng ông N vắng mặt là từ bỏ quyền của mình. Bà P vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông N. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông N không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà P và ông N có 01 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 03/4/2011, từ ngày ly thân đến nay cháu T đang sống với ông N ổn định. Cháu T có nguyện vọng được sống với ông N và bà P cũng đồng ý giao con chung cho ông N nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn T cho ông N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

Trong vụ án không có yêu cầu về cấp dưỡng và không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn N cư trú tại xã H, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xác định tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Nguyễn Tấn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Trần Thị P và ông Nguyễn Tấn N tự nguyện sống chung với nhau, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang chứng nhận kết hôn số 351 ngày 22/9/2009. Vậy, bà Trần Thị P và ông Nguyễn Tấn N xác lập quan hệ vợ chồng, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà Trần Thị P trình bày bà với ông N có 01 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 03/4/2011 là phù hợp với Giấy khai sinh số 142 ngày 09/4/2011 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Trong quá trình chung sống Trần Thị P và ông Nguyễn Tấn N đã phát sinh mâu thuẫn nên đã không chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, bà P kiên quyết yêu cầu được ly hôn, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Nam. Ông N không có ý kiến thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy giữa bà P và ông N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã thông báo hòa giải nhưng ông Nvắng mặt nên không hòa giải được vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị P.

[2.3] Con chung của bà Trần Thị P với ông Nguyễn Tấn N là Nguyễn T, sinh ngày 03/4/2011. Ông Nguyễn Tấn N là người đang trực tiếp nuôi và bà P

đồng ý giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi sau ly hôn. Cháu T có nguyện vọng được sống chung với ông Nam. Vì vậy, giao con chung Nguyễn T, sinh ngày 03/4/2011 cho ông N trực tiếp nuôi.

[2.4] Trong vụ án không có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do bà Trần Thị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

-Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị P với ông Nguyễn Tấn N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 03/4/2011 cho ông Nguyễn Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Trần Thị P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Tấn N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Trần Thị P

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005276 ngày 20 tháng 02 năm 2003 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Điệp